

Cơ chế quản lý tài nguyên tại Vườn Quốc gia Ba Vì - Những vấn đề tồn tại



Phụ nữ Dao- Ba vì chia sẻ bài thuốc với phụ nữ H'mông-Lào Cai (TEW 2001)

“Tôi muốn trồng những loại cây của địa phương”, Ông Hải nói về diện tích đất rừng đã được giao và quay sang nói tiếp với ông Bảy - Trưởng thôn “Tôi không muốn trồng những gì mà vườn quốc gia có”.

Ông Hải và ông Bảy là những người dân sống ở thôn Yên Sơn thuộc vùng đệm của vườn quốc gia Ba Vì. Ông Bảy nhìn ông Hải mà không nói một lời. Ông biết ông Hải đang bực mình. Cả hai thấy rằng họ không có sự lựa chọn nào khác ngoài trừ phải theo kế hoạch sử dụng đất phát triển của Vườn Quốc gia.

Sau nhiều năm chờ đợi, Yên Sơn đã được kí kết hợp đồng khoán 300 ha đất thuộc khu vực vùng đệm và người dân nơi đây đã đã trồng chè, cây ăn quả trên mảnh đất này. Trong hoàn cảnh bình thường, những người dân như ông Hải và ông Bảy đã có thể khá mãn nguyện để quản lí một mảnh đất rừng như vậy. Song thực tế lại diễn ra không như những điều mà mọi người đang mong đợi.

Thiếu thông nhất về quyền sử dụng đất

Nguyên nhân của vấn đề suy thoái tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam rất đa dạng. Sự gia tăng dân số, nạn đốt phá rừng, nạn lâm tặc, sự mở rộng các vùng trồng cây công nghiệp, vấn đề xây dựng hệ thống tưới tiêu, các dự án cơ sở hạ tầng khác và cuối cùng là một số chính sách đang hoàn thiện của Nhà nước cũng như việc thực thi của chính quyền các cấp địa phương.

Ba Vì, một vùng cao có diện tích không lớn chỉ cách Thủ đô Hà Nội khoảng 75 km là một ví dụ điển hình. Việc thiết lập vườn Quốc gia đã góp phần tạo ra những va chạm về quyền sử dụng đất rừng ở gần những bản có người Dao sinh sống - Yên Sơn và Hợp Nhất. Chính sách của Nhà nước tuy đã có những đổi mới nhưng

vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại, cán bộ các cấp chính quyền thì bỏ mặc hoặc chạy theo những sở thích của họ, mà ít quan tâm tới quyền lợi chính đáng của người dân sở tại.

Ví dụ, thôn Yên Sơn đã mất 19,2 ha đất vào năm 1998, khi huyện Ba Vì giao nó cho C.ty du lịch Ao Vua. Cho tới nay phía Công ty chưa trả tiền thuê đất còn chính quyền huyện cũng chưa có sự đền bù nào cho người dân ở đây về phần đất đã lấy đi của họ. Chưa hết, năm ngoái đây Vườn Quốc gia cũng đã lại giao thêm 107 ha đất cho C.ty Du lịch Ao Vua mà trước đó đã khoán cho dân bản. Như vậy phần đất để duy trì kế sinh nhai của người dân ở đây ngày càng bị thu hẹp dần.

Người Dao ở Ba Vì

Người Dao là một trong những nhóm dân tộc thiểu số chiếm số lượng dân đông nhất ở Việt Nam. Hiện có khoảng 700 ngàn người sống ở miền Bắc-Việt nam. Tổ tiên của họ đã di cư từ Trung Quốc xuống phía Nam từ xa xưa và có mặt ở Việt Nam, Thái Lan, Lào.

Người Dao có một nền văn hoá đa dạng, xuất hiện nhiều trong nhiều cuốn sách cổ viết bằng chữ Hán. Người Dao có ngôn ngữ riêng và nhiều nét văn hoá độc đáo. Như một quy luật, người Dao có mối quan hệ mật thiết với rừng, đặc biệt phụ nữ Dao biết rất nhiều loại thuốc quý có nguồn gốc từ cây rừng.

Người Dao sống ở Ba Vì từ những năm đầu thế kỉ 20. Tổ tiên của họ sống trong hang và dọc theo những con suối chảy từ ba đỉnh núi cao của dãy Ba Vì. Năm 1959, Chính phủ thực hiện việc định canh định cư cho người Dao ở miền núi, trên độ cao 100 mét so với mực nước biển. Quá trình định canh định cư được thực hiện trong vòng ba năm cho 130 người. Năm 1963, người Dao ở đâr được nhận 18 ha đất canh tác lúa nước ở hai thôn cách nhau 7 km, gồm 8 ha ở Yên Sơn và 10 ha ở Hợp Nhất.

Hiện nay (năm 2001) Yên Sơn đã có 170 hộ với 1.800 nhân khẩu đang sinh sống ở hai thôn này và vẫn canh tác trên 18 ha đất. Trước mắt, người dân không có đủ đất để sinh sống. Hậu quả là họ phải chặt cây bán kiếm tiền, đi làm thuê kiếm sống. Người phụ nữ Dao cũng phải bán cả những loại dược liệu cổ truyền – một trong những khía cạnh thiêng liêng của văn hoá Dao.

Thực hiện chủ trương đổi mới trong quản lý đất rừng, năm 1990 một chương trình của Chính phủ giao cho hai thôn trên 700 ha bạch đàn và 200 ha keo để trồng, mỗi hộ được nhận số vốn 320.000 đồng/ ha. Những cây này được trồng ở độ cao 100 mét với mục đích để thu hoạch sau 7 năm. Tuy nhiên, 10 năm đã trôi qua, sau khi cây bạch đàn bị chặt thì không có một cây cỏ nào có thể mọc được dưới những cây bạch đàn độc kể cả những cây thuốc. Người dân biết rằng việc trồng

cây này có vấn đề nhưng chương trình PAM của Chính phủ thì vẫn cứ yêu cầu trồng vì cây bạch đàn là loại cây lớn nhanh và được sử dụng để sản xuất giấy.

Năm 1991, Vườn Quốc gia Ba Vì được thành lập và từ đó cũng có nhiều vấn đề nảy sinh từ chính sách của Ban quản lý Vườn. Ban quản lý Vườn Quốc gia chỉ chú tâm đến sự đầu tư bền vững cho đường sá, văn phòng, nhà khách và những dịch vụ du lịch. Gần đây người dân cũng được phép chặt cây bạch đàn trên phần đất được gọi là “đất đặc dụng” của Vườn Quốc gia, phần đất chỉ được sử dụng rất hạn chế và chỉ khi có sự cho phép của Vườn.

Đây là một cách làm chưa rõ ràng của Vườn Quốc gia về quyền sử dụng đất dành cho người Dao, mặc dù họ đã được kí kết hợp đồng để trồng và thu hoạch cây bạch đàn. Không ai trong số 40.000 người dân đang sinh sống xung quanh 7 xã ở Ba Vì có quyền sử dụng đất đặc dụng của Vườn Quốc gia.

Dân ở đây đã rất bất bình khi họ lần đầu tiên bị cấm chặt cây bạch đàn, nhất là khi họ không thể trồng bất cứ cây gì dưới tán cây này. Những người dân như ông Hải muốn chọn loại cây trồng riêng cho mình trên những mảnh đất có độ cao 250 mét. Cách làm của Ban Quản lý Vườn Quốc gia thiếu nhất quán đối với nhân dân quanh vùng về vấn đề giao đất, giao rừng. Ban đầu, Ban quản lý không trả lời rõ ràng cho dân bản về quyền được chặt cây bạch đàn và về vấn đề giao đất vùng đệm. Dân bản cho rằng: Ban Quản lý Vườn Quốc gia sợ người Dao có thể bán đất nếu như cấp cho họ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; vì vậy, Ban quản lý đã khoán cho dân trên cơ sở nguyên tắc của mình. Điều này có nghĩa việc giao đất ở đây đã không cung cấp đủ năm “quyền” mà một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải có, đó là quyền chuyển nhượng, cho thuê, chuyển đổi, thừa kế và thế chấp.

Chừng nào những hợp đồng có đầy đủ các quy định như trên được thực hiện thì những người Dao ở Yên Sơn mới có thể yên tâm sản xuất trên mảnh đất được giao quyền sử dụng. Còn cứ như trong tình trạng không rõ ràng hiện nay thì cuộc sống của những người Dao ở đây lại cứ tiếp tục gặp khó khăn.

Trung tâm TEW và thôn Yên Sơn

Thôn Yên Sơn là địa điểm đầu tiên mà Trung tâm TEW thực hiện công việc thực địa của mình. Đây cũng chính là nơi mà Bà Trần Thị Lành thực hiện nghiên cứu sinh của mình.

Mục đích của Trung tâm TEW đặt ra ở đây là giúp làm lớn mạnh cộng đồng người Dao bởi họ đã sống lâu đời nhất tại khu vực thuộc vùng đệm này và đặc biệt họ có thể tham gia vào quá trình quản lý Vườn Quốc gia Ba Vì. Ở đây còn tồn tại những minh chứng sống dành cho những ai muốn du lịch và tìm hiểu về văn hoá truyền thống người Dao cũng như bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Để đạt được mục đích này Trung tâm TEW đã thiết lập một số mô hình thử nghiệm với những nông dân người Dao tại thôn Yên Sơn và mở đầu bằng những việc thiết thực. Năm 1992, Trung tâm TEW giúp người dân ở đây lập ra nhóm thuốc nam với 11 phụ nữ vùng cao chuyên chữa bệnh cho dân bản. Những người phụ nữ này đã tham dự ba chuyến tham quan học hỏi nhằm nâng cao hiểu biết và mở rộng kinh nghiệm về thuốc nam. Sau các chuyến tham quan học hỏi này cả 11 phụ nữ đã quay trở lại Ba Vì và còn được thầy thuốc giỏi tiếp tục đào tạo.

Các phụ nữ trong thôn đã đi cùng hai thầy thuốc vào rừng để học nhận dạng cây thuốc. Họ cũng nói rằng họ cần Vườn Quốc gia cho phép vào rừng để sưu tầm các loại thảo dược.

Một dự án điểm khác cũng được đề ra từ những nghiên cứu đầu tiên của Bà Trần Thị Lành vào năm 1992 là xây dựng mô hình vườn mẫu dựa vào 7 nông dân, có nhà trước đây ở Ao Vua (thuộc Vườn Quốc gia Ba Vì), nhưng bây giờ các khu nhà của họ đã trở thành khu du lịch. Chính họ là những người được Ủy ban Dân tộc Miền núi huyện tái định cư, nhưng nhiều người trong số họ không hài lòng với nơi ở mới và muốn quay về nơi mà họ trước kia đã từng sinh sống.

Vào thời gian này TEW cũng làm việc với một nông dân nông cốt tên là Dương Kim Nhân và giúp ông xây dựng một mô hình kinh tế hộ gia đình. Hai năm sau, mô hình này đã trở thành một mẫu hình cho các bản khác. Trung tâm TEW đã đưa nhiều đoàn thăm quan từ các khu vực khác về thăm mô hình này, trong đó có một phái đoàn của Lào.

Sau khi những mô hình vườn mẫu đạt kết quả khả quan, Trung tâm TEW lại thực hiện một chuyến PRA vào năm 1996, để tìm hiểu về những vấn đề liên quan tới cộng đồng. Dân bản nói với Trung tâm TEW rằng mối quan tâm của họ là muốn được quyền sử dụng đất ở độ cao 250 mét, một phần vùng “đất đặc dụng” của Vườn Quốc gia. Trung tâm TEW đã cố gắng giúp đỡ cộng đồng có được quyền sử dụng đất hợp lý và lâu dài với quan niệm đây là bước đi rất quan trọng nhằm tạo quyền cho người dân có được vai trò tích cực và chủ động hơn ở Vườn Quốc gia. Tuy nhiên, nỗ lực này đã không thành công vì quan điểm của hai phía còn khác xa nhau. Về sau, Ban Quản lý Vườn Quốc gia đã đưa ra nhiều dự án về quyền sử dụng đất cho người dân ở đây, nhưng cho đến nay cũng mới chỉ có một số ít dân bản nhận được hợp đồng. Sự không thống nhất chủ yếu tập trung vào vấn đề trồng cây gì? Vườn Quốc gia muốn người dân tập trung trồng những cây công nghiệp, song người dân lại không muốn.

Văn hoá và những vấn đề tồn tại

Những vấn đề ở Ba Vì đi theo quy luật chung của thế giới mà ta có thể thấy trong vấn đề tranh chấp tài nguyên xảy ra giữa các cộng đồng dân cư nhỏ và các tổ chức

lớn khác trong đó có cả các tổ chức của Nhà nước. Trong quá trình này, người dân thông thường tuân theo những thói quen truyền thống và tập quán của họ. Nếu những tập quán này đi ngược lại pháp luật thì phải có cơ chế để điều hoà.

Vấn đề này cũng thường xảy ra ở Việt Nam, gây ra sự suy thoái tài nguyên thiên nhiên và dẫn đến những hậu quả khác, vì vậy Nhà nước cần có sự tính toán để điều hoà những khác biệt giữa pháp luật và văn hoá bản địa. Luật pháp của Nhà nước cần phải ghi nhận và tôn trọng những tập tục mang tính truyền thống lâu đời, ổn định của cộng đồng.

Tình huống ở Ba Vì là một ví dụ điển hình về những khó khăn mà chính quyền trung ương gặp phải khi giải quyết những vấn đề mâu thuẫn nội bộ ở cấp cơ sở. Các cấp chính quyền tỉnh và huyện cũng không thể nào hoạt động được một cách suôn sẻ do những vướng mắc về quan điểm, về cơ chế, trong đó có những vấn đề về luật pháp. Ở đây, nói chung những mâu thuẫn này phát sinh ở cấp cơ sở giữa một bên là Vườn Quốc gia và một bên là những người dân bản địa. Như trên đã nói, do chưa quan tâm đầy đủ đến quyền lợi chính đáng trước mắt và lâu dài của người dân, nên Ban Quản lý Vườn Quốc gia chưa có một kế hoạch phát triển phù hợp dành cho người Dao sinh sống tại khu vực Vườn Quốc gia.

Hiện nay ở Ba Vì, để bù cho những vùng đất bị mất và để tiếp tục làm nghề thuốc, phụ nữ và cả đàn ông Dao phải đi tới những vùng khác để tìm cây thuốc. Sự hiểu biết về thuốc nam được truyền từ mẹ sang con gái là một nét đẹp của văn hoá Dao, bây giờ đã bị mai một dần bởi việc đưa thuốc ra bán bên ngoài.

Điều tai hại hơn, là nếu không có những biện pháp giữ gìn thì những bài thuốc bí truyền mà bao nhiêu thế hệ người Dao bảo vệ và truyền tụng sẽ không còn nữa. Cũng vậy, nếu không có những biện pháp bảo vệ thì những tấm thổ cẩm và những bộ quần áo đẹp đẽ mà người phụ nữ Dao dệt nên bằng phương pháp thủ công truyền thống sẽ vĩnh viễn đi vào dĩ vãng, hoặc nếu còn chẳng thì cũng chỉ còn nằm yên trong tủ kính của một viện bảo tàng nào đó.

Trên bình diện rộng, kinh nghiệm cũng cho biết rằng nếu người dân tộc tiếp tục đánh mất truyền thống văn hoá của mình thì những vấn đề xã hội cũng sẽ gia tăng.

Vấn đề giao đất ở Ba Vì

Một câu hỏi quan trọng đặt ra từ việc đánh giá tình hình ở Ba Vì là liệu cộng đồng và Trung TEW có được sự lựa chọn nào khác ngoài việc đóng góp ý kiến đối với vấn đề khoán đất. Hiện tại, vấn đề khoán là một thực tế rất khó khăn và có thể nói dân bản ở đây rất khó lòng có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thời hạn khoán là 50 năm như chủ trương, chính sách của Nhà nước.

Tuy nhiên, xem xét kỹ các văn bản và quy định mang tính pháp lý, ta thấy rằng đây là một trường hợp có thể tiến tới xây dựng quyền sử dụng đất đầy đủ.

Các văn bản chủ đạo hướng dẫn về sử dụng đất rừng đặc dụng là Luật đất đai năm 1993, Nghị định số 02/CP năm 1994 về giao đất, giao rừng, Nghị định số 01/CP năm 1995 về khoán đất khoán rừng và những thông tư, chỉ thị Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 02/CP và Nghị định số 01/CP.

Nguyên tắc chính làm cơ sở cho những chính sách hiện thời mà Chính phủ ban hành là đất đai phải có người quản lý, đó là người có quyền thu lợi từ đất, có trách nhiệm bảo vệ, sử dụng đất đúng mục đích và đúng pháp luật. Nghị định 02/CP năm 1994 về giao đất giao rừng quy định các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đều có tư cách để nhận đất giao. Những điểm liên quan khác bao gồm :

1. Việc sử dụng đất như thế nào sau khi được giao tùy thuộc vào từng loại rừng. Đặc biệt rừng phòng hộ chỉ được giao nhằm bảo vệ môi trường, rừng đặc dụng (như Vườn Quốc gia) có thể được giao nhằm bảo vệ môi trường, phát triển mô hình sinh thái, hoặc dành cho các thí nghiệm khoa học; rừng sản xuất có thể được giao nhằm mục đích kinh tế (Điều 2 NĐ 02/CP).
2. Ban Quản lý Vườn Quốc gia, rừng phòng hộ giao đất giao rừng nhằm mục đích quản lý và bảo vệ rừng. Đối với những khu vực mà dân cư không có đất để canh tác thì Ban Quản lý có thể khoán trực tiếp cho các hộ để bảo vệ rừng. Đối với những vùng đất đang có dân cư sinh sống, Ban Quản lý có thể khoán cho các hộ gia đình để trồng và bảo vệ rừng. Đối với đất trồng cây hàng năm, Ban Quản lý có quyền khoán đất cho các hộ nhằm mục đích sản xuất nông nghiệp, miễn là họ tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành (Điều 9 NĐ 02/CP).

NĐ 01/CP năm 1995 lại đưa ra những quy định khác về giao rừng. Theo NĐ 01/CP thì đất nông nghiệp, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và mặt nước cũng có thể được khoán trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân.

Hợp đồng giao rừng phải chứa đựng những điều khoản đặc biệt về vấn đề tài chính, cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên kèm theo cam kết tôn trọng thời hạn được ghi trong hợp đồng.

Bên khoán có quyền xác định vùng đất được khoán cũng như loại cây sẽ được trồng trên đất đó. Bên khoán cũng có quyền kiểm tra việc tuân thủ hợp đồng của bên nhận khoán. Nếu có hiện tượng vi phạm thì bên nhận có thể bị phạt và hợp đồng có thể bị huỷ bỏ. Nếu bên nhận khoán tuân thủ kế hoạch sử dụng đất được

đưa ra bởi bên khoán thì họ có quyền thu hoa lợi từ sức lao động của mình. Họ được thu hoạch hoa lợi, lợi tức từ cây trồng và hoa màu trồng trên đất .

Hiển nhiên có sự khác nhau giữa sự giao và khoán. Với việc giao đất, các hộ thể hiện được các quyền đối với đất như quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp, và cầm cố. Với một hợp đồng khoán, người dân phải tuân thủ kế hoạch chi tiết mà bên giao đất đưa ra. Họ không có quyền thay đổi kế hoạch, trong trường hợp họ không tuân thủ những cam kết của hợp đồng thì hợp đồng có thể bị huỷ bỏ. Nếu họ chuyển đến nơi khác ở thì coi như họ bị mất hợp đồng.

Tương tự, nếu người được giao đất bị chết hoặc không còn sử dụng đất nữa thì cũng không nhất thiết phải chuyển đất giao cho họ hàng thân thích của người đó. Các quy định được đưa ra trong ND 02/CP năm 1994 về giao đất và ND 01/CP về giao rừng đã chỉ rõ Vườn Quốc gia Ba Vì phải tuân thủ những quy định cần thiết và không có nghĩa vụ buộc phải giao đất.

Tuy nhiên, đất đang tranh chấp ở độ cao từ 200m đến 400m thuộc “vùng đặc dụng” của Vườn Quốc gia không ở trong vùng được “bảo vệ tuyệt đối”. Vùng đặc dụng là một vùng cấm nơi Vườn Quốc gia đưa ra kế hoạch kêu gọi trồng cây nông nghiệp như thông, chè, quế, vải và long nhãn. Những thông tư được ban hành bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về giao đất dường như đã quy định rõ các loại đất này không chỉ được khoán mà còn có thể được giao. Các thông tư hướng dẫn đã quy định:

“ Trong những khu vực cấm và khu vực hành chính thì không nhất thiết phải di dời dân. Giám đốc rừng đặc dụng có thể kết hợp với chính quyền địa phương kiểm tra kế hoạch sử dụng đất đối với tất cả các loại đất như đất nông nghiệp, đất dân cư nông thôn và đất đang trong quá trình chuyển đổi thuộc khu bảo tồn được ghi nhận trong dự án đầu tư. Điều này nhằm tạo cho chính quyền huyện giao đất cho các hộ bao gồm cả những hộ thuộc Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn nằm trong khu vực này”.

Vai trò và nhiệm vụ

Trung tâm TEW đã từng tham gia đóng góp vào nhiệm vụ giao đất giao rừng cho cộng đồng những người dân bản địa thuộc khu vực Ba Vì trước đây. Trung tâm đã từng cung cấp những khoản hỗ trợ ban đầu cho Vườn Quốc gia thực hiện việc khoán đất, cũng như trợ giúp dân bản. Sự hỗ trợ này bao gồm các khoá đào tạo ngắn hạn về giao đất thông qua các cuộc hội thảo được đảm nhận bởi nhân viên Trung tâm TEW, số nhỏ còn lại dành cho chi phí về sắm thiết bị, đi lại, tư vấn, liên lạc với cán bộ có thẩm quyền của Chính phủ và cán bộ Vườn Quốc gia.

Sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trực tiếp đảm nhận Chương trình năm 1999 thì Trung tâm TEW giải thể Ban điều hành của mình ở đây. Sau này, câu chuyện giao đất, giao rừng ở đây tất nhiên vẫn tiếp diễn, nhưng Trung tâm vì những nhiệm vụ rộng lớn hơn trong phạm vi toàn quốc, nên đành phải rút dần vai trò của mình ở đây.

Sau việc giao khoán đất cho dân còn nhiều vướng mắc như đã nói, chính quyền địa phương kết hợp với Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Vì và lãnh đạo lâm trường bạch đàn tổ chức lập bản đồ địa chính cho các vùng đất của dân, để rồi từ cơ sở đó tiến hành phân chia đất, cán bộ của Trung tâm cũng tham gia tích cực vào công tác này. Song về sau việc lập bản đồ địa chính đã không được tiến hành một cách công khai có tính toán đến quyền lợi của người dân đối với cây cối (như tre và bạch đàn) đã trồng trên mảnh đất, nên đã không mang lại kết quả mong muốn.

Những việc làm như trên đã làm cho người dân mất dần niềm tin. Cuối cùng, việc Vườn Quốc gia Ba Vì chuyển nhượng một diện tích đất hơn 100 ha của vườn nằm ở cạnh thôn Yên Sơn cho Công ty Du lịch Ao Vua mà không tham khảo gì ý kiến của người dân, cũng đã gây ra những điều thất vọng không đáng có.

Dân bản ở đây ngày nay đang rơi vào tâm trạng thụ động. Ông Dương Văn Nhân, nông dân nòng cốt người có quá trình công tác với TEW rất tích cực và chủ động, đã trả lời câu hỏi về quá trình khoán đất và khoán rừng ở đây: “Tôi không biết rõ, đây là việc của cán bộ”.

Giải pháp cần thiết

Dù với cách nhìn nhận thế nào đi nữa, thì rõ ràng ở đây có sự tranh chấp về quyền lợi đất rừng giữa những người dân bản địa, những người đã từng sinh sống ở đây không biết bao nhiêu đời, đã thích ứng với môi trường sinh thái và cũng đã xác lập nên ở đây một nền văn hoá truyền thống mang đậm đà bản sắc dân tộc, nền văn hoá của người Dao; còn phía bên kia là các cơ sở quốc doanh như Vườn Quốc gia Ba Vì, lâm trường bạch đàn, v.v... Và trong cuộc tranh chấp này phần thiệt thòi đã thuộc về những người dân thiểu số kể về kinh tế cũng như về các quyền lợi văn hoá xã hội khác.

Thực ra vấn đề không đến mức không thể giải quyết được trong những tình huống như thế, đáng lẽ chính quyền địa phương, Ủy ban Dân tộc Miền núi (CEMMA) địa phương đã phải vào cuộc để có sự điều chỉnh quyền lợi đôi bên cho thoả đáng. Một mặt đảm bảo quyền lợi chung của cả nước mà các cơ sở quốc doanh là những người đại diện, nhưng mặt khác cũng bảo vệ được quyền lợi chính đáng của người dân bản địa, quyền được có công ăn việc làm, quyền được tham gia quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước tại chỗ. Những chuyện xảy ra ở Ba Vì trong việc khoán đất giao rừng, ta không thể không tính đến những yếu tố tiêu cực này

sinh từ bộ máy chính quyền còn quan liêu, từ những cá nhân cán bộ độc đoán chuyên quyền và vụ lợi. Song cũng không thể loại trừ những yếu tố có vai trò quan trọng thuộc về nội dung luật pháp chưa rõ ràng, minh bạch và sự vận dụng luật pháp trong những điều kiện cụ thể, mà ở đây là việc giao đất, giao rừng cho người dân. Sự lạm dụng quyền sở hữu quốc doanh của một số cơ sở nhiều khi đã làm tổn hại đến quyền lợi cá thể chính đáng của những người dân sống trong cả cộng đồng.

Để điều hoà những lợi ích có tầm quan trọng sống còn cho mỗi bên tranh chấp này cần có vai trò trọng tài về mặt chính sách và luật pháp của tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể địa phương, của Đại diện Uỷ ban Dân tộc và các Tổ chức Khoa học Công nghệ có trách nhiệm chỉ trên cơ sở tạo cho mọi người, mọi tổ chức đều có được một quan điểm rộng rãi đúng đắn toàn diện vì lợi ích chung và lợi ích chính đáng của mỗi người dân về các mặt kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội thì mọi việc mới có thể được giải quyết một cách hài hoà và đạt hiệu quả.